

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Bà Phạm Thị Duyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Trần Thị Hoài P**, sinh năm: 1985; CCCD số 075185013751 cấp ngày 12/8/2021.

Nơi thường trú: Số 341/T, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 312/N, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn:*** Anh **Phạm Minh D**, sinh năm: 1984; CCCD số 075084005665 cấp ngày 28/8/2021.

Nơi thường trú: Số 341/T, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Trần Thị Hoài P trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh D có quen biết tìm hiểu khoảng 01 năm và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/8/2006. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Thời gian sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại số 341/T, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng 05 năm sau khi kết hôn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, quan điểm sống của hai vợ chồng khác biệt nhau cả về công việc lẫn cuộc sống, vợ chồng hay thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh D hay dùng những lời lẽ đe dọa tôi, ngoài ra anh D còn là người chồng vũ phu, anh D lâu lâu có đánh đập tôi, cũng không gây thương tích gì lớn. Khoảng tháng 7/2022 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân, tôi chuyển ra nhà trọ để sinh sống còn anh D vẫn sống tại nhà của hai vợ chồng, khi ly thân vợ chồng không quan tâm cuộc sống của nhau, mạnh ai nấy sống, độc lập về mọi mặt, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không còn gặp mặt nhau, khi tôi muốn thăm nom con thì tôi sẽ gọi các con qua nhà dì để gặp riêng, hai vợ chồng không gặp mặt nhau. Từ khi ly thân bà nội đã đưa các cháu về nhà để chăm sóc và nuôi dưỡng do anh D đi làm đêm và anh D không biết cách chăm sóc con cái, ngoài ra tôi cũng không hòa hợp với mẹ chồng, hai mẹ con xuất hiện nhiều mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, rất nhiều lần tôi đã cam chịu vì nghĩ cho con cái mong cho con cái có gia đình trọn vẹn, tuy nhiên không được.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, vợ chồng không quan tâm cuộc sống của nhau, mạnh ai nấy sống, độc lập về mọi mặt, vợ chồng không có ý thức hàn gắn mâu thuẫn, có thái độ bỏ mặc, chỉ còn trách nhiệm với con cái, khả năng đoàn tụ không có nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Minh D.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 (ba) con chung là cháu Phạm Thiên L, sinh ngày 01/5/2008, cháu Phạm Long V, sinh ngày 25/6/2010 và cháu Phạm Ngọc Minh T, sinh ngày 27/11/2012. Trước đây trong đơn khởi kiện và trình bày của tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5 triệu đồng. Tuy nhiên Tòa án tiến hành lấy nguyện vọng của các con và xét thấy cháu Trang và cháu Vũ có nguyện vọng được ở cùng cha nên tôi tôn trọng quyết định của các con, mặt khác hiện các con cũng đang sinh sống trực tiếp cùng gia đình nhà anh D vì vậy nhằm ổn định cuộc sống của các con nên tôi thay đổi yêu cầu của mình, tôi đồng ý giao cháu Phạm Long V, sinh ngày 25/6/2010 và cháu Phạm Ngọc Minh T, sinh ngày 27/11/2012 cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thiên L, sinh ngày 01/5/2008 do thời gian gần đây cháu L đã chuyển về ở cùng tôi tại gia đình nhà bà ngoại, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tôi làm kế toán cho Hợp tác xã G thu nhập bình quân hàng tháng 7 triệu đồng. ngoài ra còn kinh doanh thêm việc bán hàng online nên có thêm thu nhập. Hiện tại anh D làm nghề mổ bò tại Long Khánh thu nhập bình quân cao khoảng 15-20 triệu đồng nên điều kiện kinh tế tốt.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến trình bày của bị đơn anh Phạm Minh D:** Anh D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và

chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các buổi làm việc và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, tuy nhiên nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hoài P được ly hôn với anh Phạm Minh D.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Long V, sinh ngày 25/6/2010 và cháu Phạm Ngọc Minh T, sinh ngày 27/11/2012 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và giao cháu Phạm Thiên L, sinh ngày 01/5/2008 cho chị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn anh D đang cư trú tại: Số 341/T, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị P và anh D tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/8/2006. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình 2000 hôn nhân của chị P và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của đương sự tại tòa án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng chị P và anh D đã để xảy ra mâu thuẫn vào khoảng 05 năm sau khi kết hôn. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài khoảng từ tháng 7/2022, từ khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình cũng như việc thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Mặc dù lời khai của chị P không được anh D thừa nhận nhưng qua lời khai của chị P ngày 19/5/2023 Tòa án đã về địa P nơi cư trú của anh chị xác minh tại công an xã G, trưởng ấp P, xã G và bà Vũ Thị Nguyệt Á là mẹ ruột của anh Phạm Minh D tại số nhà 275/T, ấp P, xã G bà Á trình bày: qua lời khai của chị P là hoàn toàn đúng sự thật hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau, do anh D đi làm ban đêm sáng về mệt nên không lên Tòa án, bà cũng nhiều lần khuyên nhủ anh D nên hòa giải với vợ để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn để về cùng nhau nuôi dạy các con nhưng chị P vẫn có thái độ bỏ mặc và không đồng ý hoà giải nên đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy anh D có thái độ bỏ mặc, không còn sự quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm của vợ chồng đã bị rạn nứt. Tòa án đã tổ chức hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh D vắng mặt không tham gia hòa giải cũng không lên Tòa án để làm việc không có lý do. Chị P và anh D cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Tòa án cũng không có điều kiện để hòa giải mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị P và anh D đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ để chung sống, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chung sống có 03 con chung là cháu Phạm Thiên L, sinh ngày 01/5/2008, cháu Phạm Long V, sinh ngày 25/6/2010 và cháu Phạm Ngọc Minh T, sinh ngày 27/11/2012. Hiện nay cháu V và cháu T do anh D nuôi dưỡng và ở nhà nội, riêng cháu L đã chuyển về sống cùng chị P trong thời gian gần đây.

Xét yêu cầu, ý kiến của đương sự trong vấn đề nuôi dưỡng con chung, nhận thấy:

Quá trình vợ chồng chị P và anh D dễ xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, các con chung vẫn thường xuyên qua lại giữa hai nhà do điều kiện hai gia đình ở gần nhau, thời gian đầu các con chung đều do bà nội là mẹ ruột của anh D trực tiếp nuôi dưỡng do điều kiện anh D làm công việc buổi đêm nên không để các con ở nhà của hai vợ chồng mà được bà nội giúp đỡ trong thời gian anh đi làm. Tuy nhiên gần đây cháu L có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên đã chuyển về sống cùng chị P. Hiện chị P làm kế toán nên có nghề nghiệp và thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7 triệu đồng. Theo xác minh tại gia đình anh D cho thấy anh D làm nghề mổ bò tại Long Khánh thu nhập bình quân khoảng 15-20 triệu đồng. Cả chị P và anh D hiện nay đều sống gần cha mẹ nên có điều kiện được cha mẹ giúp đỡ và chăm sóc cho các con. Nhận thấy, chị P và anh D có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, cần tiếp tục giao cháu Phạm Long V và cháu Phạm Ngọc Minh T cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Thiên L cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật cũng như nguyện vọng của các cháu.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hoài P,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hoài P được ly hôn với anh Phạm Minh D.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Long V, sinh ngày 25/6/2010 và cháu Phạm Ngọc Minh T, sinh ngày 27/11/2012 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Phạm Thiên L, sinh ngày 01/5/2008 cho chị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Chị P và anh D được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009290 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị Hoài P và anh Phạm Minh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã G, H, T, T. Đông Nai
(Số ĐKKH 119, quyển số 01/2006, ngày 29/8/2006);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành

